UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NỘI VỤ

Số: 1542/SNV-CBCC
V/v rà soát thực hiện chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực và hướng dẫn thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 2014

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Quyết định số 1374/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch số 3634/KH-UBND ngày 23/5/2012 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình 4 về đào tạo bổ sung nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 24/4/2013 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Văn bản chỉ đạo số 3066/BNV-ĐT ngày 07/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2015 và Văn bản số 8078/UBND-VX ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh về việc rà soát tiến độ thực hiện Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực;

Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2015 như sau:

I. Yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng

1. Rà soát và tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra vào năm 2015 và những năm tiếp theo được phê duyệt tại Quyết định số 1374/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2361/QĐ-UBND, Kế hoạch số 3634/KH-UBND và Kế hoạch số 3111/KH-UBND của UBND tỉnh. Trong đó, tập trung một số mục tiêu, chỉ tiêu sau:

1.1. Đối với CBCC cấp xã:

- 100% CBCC có trình độ chuyên môn đạt chuẩn quy định, trong đó, có 50-60% có trình độ CĐ, ĐH trở lên;

- 60% có trình độ chính trị trung cấp và 20% có trình độ chính trị cao cấp;

- 100% CBCC được bồi dưỡng theo vị trí việc làm;

- 100% CBCC được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc;

- 70% thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm;

- Chỉ tiêu nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 30%.

1.2. Đối với CBCC khối cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, huyện:

- 100% đạt chuẩn chuyên môn theo vị trí việc làm;

- 60% có trình độ chính trị cao cấp, cử nhân;

- 100% đã qua lớp bồi dưỡng QLNN phù hợp với tiêu chuẩn ngạch quy định;

- 95% CBCC giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định;

- 90% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng được đào tạo, bổ nhiệm trước khi bổ nhiệm;

- 70% thực hiện chế độ bắt buộc tối thiểu hàng năm;

- Chỉ tiêu nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 30%.

1.3. Đối với CCVC khối sự nghiệp

- 100% CCVC đạt chuẩn chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm;

- 2-3% CCVC (ngành Y tế, Giáo dục) có trình độ sau đại học;

- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên;

- Chỉ tiêu nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 30%.

1.4. Các chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, ngoại ngữ, tin học...

2. Tăng cường công tác quy hoạch, kế hoạch trong đào tạo, bồi dưỡng;

3. Đẩy mạnh bồi dưỡng theo vị trí việc làm, nhu cầu công việc cho CBCCVC;

4. Triển khai hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

II. Một số nội dung đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện:

- Đào tạo, bồi dưỡng về: lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức Quản lý nhà nước, Quốc phòng - An ninh, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, ngạch công chức, các chức danh viên chức...theo tiêu chuẩn quy định.

- Đào tạo trình độ sau đại học đối với những chuyên ngành thuộc lĩnh vực trọng tâm, mũi nhọn theo nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, đơn vị.

- Đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc tỉnh, cần chú trọng công tác quy hoạch đào tạo trình độ tiến sỹ, thạc sỹ cho đội ngũ giảng viên, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

- Đào tạo cử tuyển để tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, đào tạo theo địa chỉ của ngành Y tế cần phải gắn với kế hoạch tuyển dụng, sử dụng của các địa phương, đơn vị sau khi đào tạo.

- Đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế: các cơ quan, đơn vị chủ động lựa chọn và cử cán bộ, công chức, viên chức trẻ tuổi (trong độ tuổi dưới 40), có khả năng phát triển để quy hoạch đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế, cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo vị trí việc làm, nhu cầu công việc, chú ý nội dung "Hội nhập quốc tế" cho CBCCVC.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Chú trọng đào tạo trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn quy định cho đội ngũ CBCC cấp xã. Đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho CBCCVC công tác ở vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đối với từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và bồi dưỡng kỹ năng, lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc.

- Đào tạo tin học văn phòng trình độ A.

3. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo chương trình quy định.

III. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Năm 2015 là năm tổng kết, đánh giá các chương trình, kế hoạch của Chính phủ và của tỉnh về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là tổng kết thực hiện 01 trong những chương trình đột phá của tỉnh về đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015. Để đảm bảo phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, Sở Nội vụ đề nghị các sở, ngành, địa phương cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát thực trạng đội ngũ CBCCVC thuộc quyền quản lý so mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc quyền quản lý năm 2015; đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh việc tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên ngành, theo vị trí công việc (hiện nay chỉ tiêu này thực hiện đạt còn thấp).

Nội dung chi, định mức chi thực hiện theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 và Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đăng ký nhu cầu cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp do Sở Nội vụ tổ chức và dự kiến kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cơ quan, đơn vị mình tổ chức.

4. Gửi danh sách CBCCVC được quy hoạch cử đi đào tạo trình độ sau đại

học năm 2015.

Sở Nội vụ sẽ bố trí lịch trao đổi thống nhất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2015 của từng cơ quan, đơn vị trước khi phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (dự kiến trong tháng 10, sẽ có lịch thông báo sau). Đề nghị các cơ quan, đơn vị truy cập vào Website của Sở Nội vụ tải các biểu mẫu thực hiện kèm theo, gửi trước file về Sở Nội vụ theo địa chỉ email: *dtbd@dongnai.gov.vn* hạn chót ngày **30/9/2014**.

Lưu ý:

- Không chọn cử CBCCVC đi học trùng lắp, tham gia 02 lớp đào tạo, bồi dưỡng từ 1 tháng trở lên trong năm, đang trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật.

- Các khóa bồi dưỡng từ 2 tháng trở lên (QLNN ngạch chuyên viên, chuyên viên chính...) công chức cử đi phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 05 năm tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.

- Chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức cử đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nội dung, chương trình của khóa học.

- Việc cử CBCCVC đi đào tạo sau đại học phải đáp ứng nhu cầu xây dựng, quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và của từng cơ quan, đơn vị.

- CBCCVC phải hoàn thành tốt nhiệm vụ mới được chọn cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Rút kinh nghiệm việc không cử, hoặc cử trùng lắp CBCCVC đi bồi dưỡng theo các chương trình bồi dưỡng bắt buộc, Sở Nội vụ sẽ đưa vào tiêu chí đánh giá công vụ các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Nhằm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh có hiệu quả, Sở Nội vụ đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tăng cường chỉ đạo rà soát chặt chẽ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2015, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh việc thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của tỉnh đề ra giai đoạn 2011-2015.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (phòng CBCC) để thống nhất tháo gỡ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Thành Trí - Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể tỉnh;
- Trưởng Phòng Nội vụ cấp huyện;
-Ban GĐ.SNV;
-Lưu: VT, CBCC.(Giang)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Kim Hiệp

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ ĐÀO TẠO PTNNL GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2361/QĐ-UBND NGÀY 21/9/2011; KẾ HOẠCH 3111/KH-UBND; QUYẾT ĐỊNH SỐ 1374/QĐ-TTg THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

STT	Khối	Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015		Tổng số CBCC VC hiện có	Kết quả thực hiện tính đến tháng 9 năm 2014		Đánh giá , dự báo tình hình thực hiện	Ghi chú
		Nội dung	Tỷ lệ (%)		Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	CB, CC cấp xã, phường, thị trấn	CBCC cấp xã đạt chuẩn (Trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên)	100%					Chương trình 4; Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Trình độ CĐ, ĐH trở lên	50 - 60%					Chương trình 4
		Trình độ Lý luận Chính trị Trung cấp	60 - 70%					Chương trình 4
		Trình độ Lý luận Chính trị Cao cấp, cử nhân	20 - 30%					Chương trình 4
		CBCC cấp xã được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công tác	100%					Chương trình 4
		CBCC được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc	100%					Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm	70%					Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Chỉ tiêu nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng	>= 30%					Chương trình 4

STT	Khối	Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015		Tổng số CBCC VC hiện có	Kết quả thực hiện tính đến tháng 9 năm 2014		Đánh giá , dự báo tình hình thực hiện	Ghi chú
		Nội dung	Tỷ lệ (%)		Số lượng	Tỷ lệ (%)		
2	CBCC khối cơ quan NN cấp huyện, tỉnh	Đạt chuẩn chuyên môn theo vị trí việc làm	100%					Chương trình 4; Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Bồi dưỡng QLNN theo ngạch	100%					Chương trình 4
		Trình độ Lý luận Chính trị Cao cấp, cử nhân	60 - 80%					Chương trình 4
		Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên	25.000 lượt người					Chương trình 4
		CBCC giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định	95%					Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng được đào tạo, bổ nhiệm trước khi bổ nhiệm	90%					Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm	70%					Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Chỉ tiêu nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng	>= 30%					Chương trình 4

STT	Khối	Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015		Tổng số CBCC VC hiện có	Kết quả thực hiện tính đến tháng 9 năm 2014		Đánh giá , dự báo tình hình thực hiện	Ghi chú
		Nội dung	Tỷ lệ (%)		Số lượng	Tỷ lệ (%)		
3	CCVC khối sự nghiệp	CCVC đạt chuẩn chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm	100%					Chương trình 4; Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên	100%					Chương trình 4; Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Trình độ sau đại học	2-3%					Chương trình 4; Kế hoạch số 3111/KH-UBND; Quyết định số 1374/QĐ-TTg
		Tiến sĩ ngành giáo dục	10 người					Chương trình 4
		Thạc sĩ ngành giáo dục	500 người					Chương trình 4
		Tiến sĩ, chuyên khoa II ngành y tế	40 người					Chương trình 4
		Thạc sĩ, chuyên khoa I ngành y tế	500 người					Chương trình 4
4	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, ngoại ngữ, tin học	Bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho CB chủ chốt của tỉnh	800 CBCC					Chương trình 4
		Bồi dưỡng ngoại ngữ cho CB chủ chốt	335 CBCC					Chương trình 4
		Đào tạo, bồi dưỡng phiên dịch bán chuyên trách (58CBCC)	Ngoại giao: 20					Chương trình 4
			Anh Văn: 20					Chương trình 4
			Ngoại ngữ khác: 18					Chương trình 4
		Đào tạo, bồi dưỡng phiên dịch chuyên trách (100 CBCC)	Ngoại giao: 20					Chương trình 4
			Anh Văn: 40					Chương trình 4
			Ngoại ngữ khác: 40					Chương trình 4
		Bồi dưỡng cập nhật kiến thức tin học	600 CBCC					Chương trình 4

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 2

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH NĂM 2015

STT	Nội dung bồi dưỡng	**Tổng số học viên**	**Đối tượng** (ĐVT: người)								**Số lớp**	**Thời gian/ khóa học**	**Kinh phí** (ĐVT: triệu đồng)						Ghi chú
			Cán bộ công chức				Viên chức						Tổng kinh phí	Chia ra					
			Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp văn hóa, TT - TT	sự nghiệp khác				Ngân sách tỉnh	Kinh phí theo chương trình mục tiêu QG	Kinh phí đầu tư từ các Bộ, ngành TW	Nguồn tài trợ từ các chương trình dự án nước ngoài	Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3a

ĐĂNG KÝ NHU CẦU BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ NĂM 2015

STT	Nội dung bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý				
1	Kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo cấp sở và tương đương	Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, ngành và tương đương		
2	Kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo cấp phòng	Trưởng phó phòng chuyên môn cấp tỉnh, huyện		
3	Kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo UBND cấp huyện	Chủ tịch, PCT UBND cấp huyện và tương đương		
4	Kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã	Chủ tịch, PCT UBND cấp xã		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3b

ĐĂNG KÝ NHU CẦU BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN NGẠCH (KIẾN THỨC QLNN) NĂM 2015

STT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương	CBCC lãnh đạo và tương đương cấp tỉnh, huyện		
2	Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên chính và tương đương	CBCC là lãnh cấp phòng trở lên		
3	Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên và tương đương	CBCCVC cấp tỉnh, huyện		
4	Bồi dưỡng kiến thức QLNN	Công chức cấp xã		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3c

ĐĂNG KÝ NHU CẦU BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2015

STT	Tên lớp bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Nghiệp vụ, kỹ năng cho CBCC làm công tác tổ chức ngành Nội vụ	CBCC cấp tỉnh, huyện phụ trách công tác tổ chức hành chính ngành Nội vụ		
2	Nghiệp vụ QLNN về thanh niên	Công chức Sở, ban, ngành phụ trách Thanh niên; Lãnh đạo, công chức phụ trách Thanh niên (PNV); Công chức VP-TK cấp xã; Bí thư đoàn cấp xã, Bí Thư và Phó Bí thư đoàn cấp huyện		
3	Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ	CBCCVC cấp tỉnh, huyện phụ trách công tác Văn thư - Lưu trữ		
4	Nghiệp vụ Thi đua - Khen thưởng	CBCCVC cấp tỉnh, huyện phụ trách công tác Thi đua - Khen thưởng		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3d

ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TIẾNG ANH NĂM 2015

STT	Tên lớp	Đối tượng, số lượng			Ghi chú
		CBCC Đảng, Đoàn thể	CBCC nhà nước	Viên chức sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6
1	Bồi dưỡng tiếng anh dự thi sau đại học				
2	Bồi dưỡng tiếng anh cho cán bộ chủ chốt có nhu cầu giao tiếp				

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3e

ĐĂNG KÝ NHU CẦU BỒI DƯỠNG NƯỚC NGOÀI NĂM 2015

STT	Tên lớp bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Chương trình bồi dưỡng Quản trị nguồn nhân lực trong khu vực công	CBCCVC là lãnh đạo phòng chuyên môn cấp tỉnh, huyện làm công tác quản trị nguồn nhân lực		
2	Chương trình bồi dưỡng về Quản lý Đô thị	CBCCVC cấp tỉnh, huyện phụ trách quản lý xây dựng và phát triển đô thị		
3	Chương trình bồi dưỡng Chính sách công: từ hoạch định đến đánh giá	CBCCVC là lãnh đạo phòng chuyên môn cấp tỉnh, huyện		
4	Chương trình bồi dưỡng quản lý hành chính công	CBCCVC là lãnh đạo phòng chuyên môn cấp tỉnh, huyện làm công tác quản lý hành chính		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 4

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC QUY HOẠCH CỬ ĐI ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

STT	Họ và tên lót	Tên	Năm sinh		Đơn vị công tác	Chức vụ, chức danh	Chức danh quy hoạch	Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Năm được tuyển dụng	Chuyên ngành đào tạo	Nguồn kinh phí			
			Nam	Nữ								Ngân sách địa phương	Bộ, ngành TW	Tài trợ	Tự túc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. Cán bộ, công chức															
2. Viên chức															

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 5

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ QUY HOẠCH CỬ ĐI ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC NĂM 2015

STT	Họ và tên lót	Tên	Năm sinh		Đơn vị công tác	Chức vụ, chức danh	Chức danh quy hoạch	Trình độ chuyên môn	Năm được tuyển dụng	Chuyên ngành đào tạo	Nguồn kinh phí		
			Nam	Nữ							Ngân sách địa phương	Theo các chương trình mục tiêu, đề án của tỉnh	Tự túc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)